Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7102.21.00

Mã HS	7102.21.00
Mô tả hàng hóa	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát / - Kim cương công nghiệp: / - - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hoặc mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:58:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/71022100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10655
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10655
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10655
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10655
Thuế XK ưu đãi CPTPP	2,7; M: 4	2,7% · M: 4%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10655
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5,4	5,4%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10655
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5,4	5,4%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10655

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10103
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10054
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10054
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10054
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10054
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10054
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10054
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10106
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10106
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10106
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10106
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10106
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10107
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10107
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10107
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10107
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10107
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10107
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10108
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10060
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10066
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10066
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10066
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10066
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10066
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10066
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10091
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10091
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10091
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10091
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10091
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10091
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10144
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10144
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10144
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10144
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10144
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10129
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10129
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10129
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10129
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10129
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10129
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10129
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10129
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10129
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10129
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10129
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10129
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10146
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10146
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10146
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10146
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10146
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10146
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10145
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10145
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10145
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10145
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10145
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10086
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10086
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10086
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10086
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10086
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10086
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10086
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10123
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10123
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10123
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10123
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10123
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10123
RCEP B	2022	2022	0	B!D10123
RCEP B	2023	2023	0	B!E10123
RCEP B	2024	2024	0	B!F10123
RCEP B	2025	2025	0	B!G10123
RCEP B	2026	2026	0	B!H10123
RCEP B	2027	2027	0	B!I10123
RCEP C	2022	2022	0	C!D10123
RCEP C	2023	2023	0	C!E10123
RCEP C	2024	2024	0	C!F10123
RCEP C	2025	2025	0	C!G10123
RCEP C	2026	2026	0	C!H10123

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10123
RCEP D	2022	2022	0	D!D10122
RCEP D	2023	2023	0	D!E10122
RCEP D	2024	2024	0	D!F10122
RCEP D	2025	2025	0	D!G10122
RCEP D	2026	2026	0	D!H10122
RCEP D	2027	2027	0	D!I10122
RCEP E	2022	2022	0	E!D10126
RCEP E	2023	2023	0	E!E10126
RCEP E	2024	2024	0	E!F10126
RCEP E	2025	2025	0	E!G10126
RCEP E	2026	2026	0	E!H10126
RCEP E	2027	2027	0	E!I10126
RCEP F	2022	2022	0	F!D10123
RCEP F	2023	2023	0	F!E10123
RCEP F	2024	2024	0	F!F10123
RCEP F	2025	2025	0	F!G10123
RCEP F	2026	2026	0	F!H10123
RCEP F	2027	2027	0	F!I10123
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9363
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9363
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9363
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9363

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá quí và đá bán quí, kim cương, và các loại đá khác > Kim cương chất lượng công nghiệp, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua. (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7102.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7102.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10655), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Chính sách mặt hàng
Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.